

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 473/2020/HC-PT

Ngày: 31 - 8 - 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 315/2020/TLPT-HC ngày 13 tháng 5 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1560/2019/HC- ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1131/2020/QĐ- PT ngày 19 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2020/QĐ- PT ngày 14 tháng 7 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1989/2020/QĐ- PT ngày 14 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 243/2020/QĐ- PT ngày 19 tháng 8 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3525/2020/QĐ- PT ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn B (có mặt)

Trú tại: D4/135 tổ 4, ấp 4, xã Đ, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Đạt T- Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 349 đường T1, thị trấn T1, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy ủy quyền số 2579/GUQ-UBND ngày 09/7/2020 (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Dương Thị Kim H, Phó Trưởng phòng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B1.

Cùng địa chỉ: 349 đường T1, thị trấn T1, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn B trình bày:

Phần đất có diện tích 1.236m², thuộc thửa số 803, tờ bản đồ số 41 tại xã Đ, huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do ông nội của bà Phùng Thị X là ông Phùng Văn N cho bà cô là bà Phùng Thị H1 sử dụng trước năm 1963, căn nhà trên phần đất nêu trên được xây dựng từ tháng 3/1963. Vào năm 1963, bà H1 cho lại bà Phùng Thị X(mẹ của ông Nguyễn Văn B, chết năm 2016) và ông Nguyễn Văn P(cha của ông Nguyễn Văn B, chết năm 2011) tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 2009, ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X tiến hành làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với phần nhà, đất nêu trên và được Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp Giấy chứng nhận số 1711/2009/UB-GCN ngày 18/10/2009.

Theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận thì khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sử dụng nhà ở phải có xác minh nguồn gốc nhà đất qua các cơ quan Nhà nước. Ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X đã thực hiện đầy đủ các thủ tục này và quy trình cấp giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân huyện B1 là đúng quy định.

Ngày 22/6/2016, Ủy ban nhân dân huyện B1 ban hành Quyết định số 5113/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sử dụng nhà ở 1711/2009/UB-GCN ngày 18/10/2009 cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X với lý do kê khai không đúng nguồn gốc và đối tượng sử dụng. Việc Ủy ban nhân dân huyện B1 thu hồi giấy chứng nhận nêu trên là trái với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của ông Nguyễn Văn B. Vì vậy, ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa

án hủy Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B1.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B1 trình bày:

Ngày 07/5/2009, ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với phần đất thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.236m², bộ địa chính xã Đ (căn nhà số D4/135 ấp 4, xã Đ, huyện B1). Ủy ban nhân dân xã Đ đã xác nhận nguồn gốc phần đất trên do cha ruột là ông Nguyễn Văn B2 cho năm 1963, nhà xây dựng cùng năm 1963.

Đến ngày 18/10/2009, Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1711/2009/UB-GCN cho ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X, thuộc thửa số 803, tờ bản đồ số 41, diện tích sàn xây dựng là 153,5m², diện tích đất ở là 1.236m².

Vào năm 2013, Ủy ban nhân dân huyện B1 thành lập Đoàn Thanh tra về việc chấp hành pháp luật trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Quyết định số 4149/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1. Tại mục 2.2.2 của Kết luận Thanh tra số 218/KL-UBND ngày 25/02/2014 thì trường hợp cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X: Nguồn gốc đất không rõ ràng nhưng Ủy ban nhân dân xã Đ không tổ chức họp dân xác định nguồn gốc theo quy định tại Điều 3 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ (số thứ tự số 6 của Bảng phụ lục số 6).

Thực hiện Kết luận Thanh tra số 218/KL-UBND ngày 25/02/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1, ngày 04/3/2014, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện B1 (nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B1) có buổi làm việc với Ủy ban nhân dân xã Đ và bà Phùng Thị X. Tại buổi làm việc, ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X xác nhận đã kê khai nguồn gốc tạo lập nhà đất sai thực tế về đối tượng sử dụng đất.

Ngày 04/11/2015, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B1 có buổi làm việc với ông Nguyễn Văn B (là con ruột của bà Phùng Thị X). Tại buổi làm việc, ông Nguyễn Văn B đồng ý giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1711/2009/UB-GCN ngày 18/10/2009 cho Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B1 để lập thủ tục thu hồi giấy chứng nhận theo quy định.

Ngày 22/6/2016, Ủy ban nhân dân huyện B1 ban hành Quyết định số 5113/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở

và quyền sử dụng đất ở số 1711/2009/UB-GCN ngày 18/10/2009 do Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp cho ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X, do kê khai không đúng.

Quyết định số 5113/QĐ-UBND được trao cho ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn B có ý kiến đồng ý nội dung và nhận Quyết định số 5113/QĐ-UBND, không tranh chấp hay khiếu nại về sau. Tuy nhiên, đến năm 2017, ông Nguyễn Văn B lại nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B1.

Theo Kết luận Thanh tra số 218/KL-UBND ngày 25/02/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B1 và kết quả kiểm tra của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B1 thì ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X đã kê khai nguồn gốc sử dụng đất và đối tượng sử dụng đất không đúng, cụ thể: Tại đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận do ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X khai trình nguồn gốc đất do cha là ông Nguyễn Văn B2 cho. Tuy nhiên, theo Đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất của ông Nguyễn Văn B2 lập ngày 20/8/1984 thể hiện năm sinh là năm 1942, trong khi ông Nguyễn Văn P sinh năm 1935. Như vậy ông P và bà X khai trình ông Nguyễn Văn B2 là cha là không phù hợp, đồng thời, tại Tờ trình số 745/TT-UBND ngày 26/5/2014 của Ủy ban nhân dân xã Đ lại ghi nguồn gốc đất là do bà Phùng Thị H1 cho bà Phùng Thị X.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thành phố Hồ Chí Minh (ban hành kèm theo Quyết định 54/2007/QĐ-UBND ngày 30/3/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, điểm a khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì việc Ủy ban nhân dân huyện B1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1711/2009/UB-GCN ngày 18/10/2009 cho ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X là không đúng quy định. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B1 ban hành Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B và giữ nguyên Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1560/2019/HC-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Hủy Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B1, thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1711/2009/UB-GCN ngày 18/10/2009 của ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/12/2019 Ủy ban nhân dân huyện B1, thành phố Hồ Chí Minh kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện B1, thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Ba.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:
 Phần đất này có 787,4 m² nằm trong dự án đất Long Thành. UBND huyện B1 đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất. Nguồn gốc đất do ông Bành kê khai. Tại tờ niêm yết, đất của bà Phùng Thị H1 cho. Diện tích kê khai, nguồn gốc đất không đúng. UBND huyện B1 cấp giấy cho bà X, ông P không phù hợp. Người sử dụng đất phải sử dụng đất liên tục thì mới hưởng 05 lần hạn mức. Trường hợp ông P đăng ký 450 m² đất nên miễn thuế 450 m² đất, không được miễn thuế toàn bộ và được cấp toàn bộ diện tích đất ở không phù hợp. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phù hợp. Ông B đã giao giấy chứng nhận cho UBND huyện B1. Ông B đã lập hồ sơ cấp lại diện tích sau khi đã nhận được tiền bồi thường diện tích đất Bến Lức - Long Thành. Tại khoản 1 Điều 9 quá trình cấp giấy chứng nhận thì người xin cấp giấy chịu trách nhiệm tính chính xác nhưng tờ đăng ký ghi của ông B2 ghi nguồn gốc đất không đúng. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013, nguồn gốc đất và diện tích đất cấp không đúng, UBND huyện B1 thu hồi giấy chứng nhận đã cấp là đúng quy định. Đề nghị Hồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

UBND huyện B1 thu hồi giấy chứng nhận đã cấp là không đúng quy định. Người xin cấp có ghi nhầm nhưng theo tài liệu chứng cứ công khai, nguồn gốc đất vào thời điểm xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi đúng nguồn gốc là bà Phùng Thị H1 cho cháu là Phùng Thị X sử dụng. Theo Công văn số 2030/UBND ngày 09/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện phần đất có diện tích 1.236m², thuộc thửa số 803, tờ bản đồ số 41 (Tài liệu Bản đồ địa chính), có nguồn gốc của gia đình ông Phùng Văn N và bà Phùng Thị H1 để lại cho bà Phùng Thị X, ông Nguyễn Văn P là cha mẹ ông B sử dụng, theo tài liệu

2005 thì ông Nguyễn Văn P đăng ký, thực hiện đóng thuế phi nông nghiệp từ khi cập nhật trên giấy, không tranh chấp về ranh đất và thừa kế.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện B1 cũng thừa nhận tờ niêm yết đúng quy định của Nhà nước, UBND huyện B1 đã xác minh rõ nguồn gốc đất trước khi cấp giấy. Sơ suất của người dân trong đơn không ảnh hưởng đến quá trình sử dụng đất của bà X và ông P. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND huyện B1, y án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X, ông P theo khoản 1, khoản 2 Điều 50 Luật đất đai. Ông P, bà X kê khai tên ông B2, UBND huyện B1 đã cấp giấy chứng nhận cho ông P, bà X không thu tiền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích 1.236 m². UBND huyện B1 thu hồi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B1, thành phố Hồ Chí Minh:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm:

Nguồn gốc đất là của gia đình ông B. Ông bà của ông B để lại. Gia đình ông B sử dụng lâu dài từ năm 1963 đến nay, đóng thuế và kê khai đất đầy đủ. UBND huyện B1 thu hồi giấy chứng nhận đã cấp là không có cơ sở việc ghi nhầm của người dân, người dân không biết. Ủy ban nhân dân xã Đ niêm yết đã ghi nhận đúng diện tích và nguồn gốc đất. Lẽ ra, UBND huyện B1 thấy có mâu thuẫn thì phải hướng dẫn người dân điều chỉnh lại đơn cho phù hợp. UBND huyện B1 dùng lý do ghi nhầm đơn để thu hồi giấy đã cấp là không đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai, ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân. Tòa án cấp sơ thẩm chấp đơn khởi kiện của ông B, hủy Hủy Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B1, thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1711/2009/UB-GCN ngày 18/10/2009 của ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND huyện B1, y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:*

Ông Nguyễn Văn B có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1711/2009/UB-GCN ngày 18/10/2009 của ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B1, thành phố Hồ Chí Minh:

[2.1] Trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định:

Ủy ban nhân dân huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo qui định tại khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Ủy ban nhân dân huyện B1 ban hành Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1711/2009/UB-GCN ngày 18/10/2009 của ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X, bởi các lý do: Kê khai nguồn gốc sử dụng đất và đối tượng sử dụng đất không đúng, cụ thể: Tại đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn B2 là cha ông Nguyễn Văn P cho ông P sử dụng, tuy nhiên qua xác minh ông B2 không phải là cha ông P.

[2.2.2] Tờ niêm yết danh sách công khai về nguồn gốc đất số 29/DS-TB ngày 28/5/2009 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B1 vào thời điểm xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi đúng nguồn gốc là bà Phùng Thị H1 cho cháu là Phùng Thị X sử dụng.

Theo Công văn số 2030/UBND ngày 09/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện phần đất có diện tích 1.236m², thuộc thửa số 803, tờ bản đồ số 41 (Tài liệu Bản đồ địa chính), có nguồn gốc của gia đình ông Phùng Văn N và bà

Phùng Thị H1 để lại cho bà Phùng Thị X, ông Nguyễn Văn P là cha mẹ ông B sử dụng, theo tài liệu 2005 thì ông Nguyễn Văn P đăng ký, thực hiện đóng thuế phi nông nghiệp từ khi cập nhật trên giấy, không tranh chấp về ranh đất và thừa kế.

Như vậy xét về nguồn gốc sử dụng đất là của ông bà ông B để lại cho bà Phùng Thị X và ông Nguyễn Văn P sử dụng, ông P và bà X có quá trình sử dụng ổn định lâu dài từ những năm 1963 cho đến nay và họ có đóng thuế và kê khai quyền sử dụng đất. Việc Ủy ban nhân dân huyện B1 cho rằng đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn B2 là không đúng, có nguồn gốc không rõ ràng, tuy nhiên Tờ niêm yết danh sách công khai về nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân xã Đ vào thời điểm xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ghi đúng nguồn gốc là bà Phùng Thị H1 cho cháu là Phùng Thị X sử dụng, lẽ ra khi xem xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấy trong hồ sơ có mâu thuẫn, sai sót thì phải có trách nhiệm yêu cầu người xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉnh sửa phần sai sót trong hồ sơ, nay dùng lý do này để thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1711/2009/UB-GCN ngày 18/10/2009 của ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X là không đúng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của họ, vì rõ ràng cấp quyền sử dụng đất nêu trên cho ông P và bà X là đúng nguồn gốc và đúng đối tượng sử dụng.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện B1 kháng cáo không đưa ra tình tiết khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B1 và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B1 phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B1. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1560/2019/HC-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Hủy Quyết định số 5113/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của Ủy ban nhân dân huyện B1, thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1711/2009/UB-GCN ngày 18/10/2009 của ông Nguyễn Văn P và bà Phùng Thị X.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nộp tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền khi án có hiệu lực pháp luật.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0047032 ngày 28/6/2017 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Ủy ban nhân dân huyện B1, Thành phố Hồ Chí Minh đã nộp theo Biên lai số 0045905 ngày 24/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu – (Ấn - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương